

**KIẾN THỨC CỦA BÀ MẸ VỀ BỆNH HEN PHẾ QUẢN TẠI TRUNG TÂM NHI KHOA BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN NĂM 2018**

Đoàn Thị Huệ<sup>1</sup>, Nguyễn Bích Hoàng<sup>2</sup>, Bùi Thị Hải<sup>2</sup>, Nghiêm Thị Quý<sup>2</sup>  
<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, <sup>2</sup>Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên

**TÓM TẮT**

**Mục tiêu:** Mô tả kiến thức của bà mẹ về bệnh hen phế quản và tìm hiểu các yếu tố liên quan đến kiến thức của bà mẹ về bệnh hen phế quản. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2018 trên 67 bà mẹ có con bị hen phế quản, bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện phỏng vấn trực tiếp bà mẹ dựa trên câu hỏi đã được thiết kế sẵn. **Kết quả:** Điểm trung bình kiến thức của bà mẹ là 15,5, chiếm 50% tổng số điểm. Có sự liên quan giữa kiến thức về bệnh hen

của bà mẹ và quản lý hen theo hướng dẫn của bác sĩ ( $p < 0,05$ ). **Kết luận:** Nghiên cứu này chỉ ra rằng kiến thức về bệnh hen phế quản ở các bà mẹ không đầy đủ, cần có sự phối hợp của nhân viên y tế thường xuyên, liên tục phổ biến kiến thức về bệnh hen cho các bậc phụ huynh. Giáo dục sức khỏe cho người dân về bệnh hen phế quản cần được nhấn mạnh như là một phần quản lý bệnh hen theo GINA 2017.

**Từ khóa:** kiến thức bà mẹ, hen phế quản

**KNOWLEDGE OF MOTHER ABOUT ASTHMA IN PEDIATRIC DEPARTMENT THAI NGUYEN NATIONAL HOSPITAL 2018**

**ABSTRACT**

**Objectives:** To describe the knowledge about asthma of the mother and explore factors related to knowledge of asthma. **Subjects and Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted from March to August 2018 in 67 mother of children with asthma. The subjects interviewed directly base on the questionnaire. **Results:** The result showed that the average score of knowledge was 15,5, it was 50% total score. There was relationship between knowledge of asthma and management of asthma under the supervision of a physician ( $p$

$< 0.05$ ). **Conclusion:** This study showed generally inadequate asthma knowledge in parents and more effort should be made to disseminate asthma knowledge to parents. Asthma education must be emphasized as part of asthma management by GINA 2017.

**Key words:** mother, asthma, knowledge

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Hen phế quản (HPQ) là bệnh mạn tính đường hô hấp. Bệnh hen do nhiều yếu tố gây nên, hen phế quản gặp ở cả người lớn và trẻ em. Theo số liệu theo dõi của WHO, trên thế giới có khoảng 300 triệu người mắc hen phế quản, ước tính năm 2025, số người mắc hen phế quản sẽ tăng thêm 100 triệu [1], [2], chiếm 6-8% là người lớn, hơn 10% là trẻ em ở độ tuổi < 15 tuổi [2]. Ở Việt nam, chưa có số liệu chính xác về số người mắc và tử vong do hen, theo Nguyễn Năng An

Người chịu trách nhiệm: Đoàn Thị Huệ  
Email: hueddtn@gmail.com  
Ngày phản biện: 05/8/2018  
Ngày duyệt bài: 12/10/2018  
Ngày xuất bản: 22/10/2018

ước tính khoảng 4 triệu người mắc hen và khoảng 3000 người tử vong mỗi năm. Chương trình khởi động toàn cầu về phòng chống hen (GINA, 2017) hiện nay cứ 250 người tử vong thì có 01 người tử vong do hen, số năm sống khuyết tật bị mất đi do hen cũng có xu hướng cao hơn trước, ước tính chiếm 1% trên tổng số, điều này phản ánh tình trạng tăng tỉ lệ mắc hen và hen nặng trong cộng đồng dân cư [2]. Cũng theo kết quả điều tra của Nguyễn Đăng An, đã có 64,9% người bệnh từng phải đi cấp cứu vì hen nặng và tỉ lệ được dự phòng hen mới chỉ đạt 26,2% [1]. Tình hình kiểm soát hen ở trẻ em nước ta còn báo động hơn vì tới trên 80% trẻ mắc hen phế quản dưới 15 tuổi chưa được điều trị kiểm soát bệnh [2]. Các kết quả nghiên cứu đã chứng tỏ ở nước ta tỉ lệ được dự phòng hen của trẻ em rất thấp trong khi đó kiến thức về bệnh hen của các bà mẹ lại rất thiếu hụt, số liệu điều tra dịch tễ học bệnh hen phế quản ở trẻ em vẫn chưa đầy đủ và chúng ta cũng thiếu những nghiên cứu đánh giá về kiến thức, thái độ của thân nhân có trẻ mắc hen phế quản. Vì vậy chúng tôi tiến hành đề tài này nhằm mục tiêu: 1) Mô tả thực trạng kiến thức về bệnh hen phế quản của bà mẹ trẻ mắc hen phế quản điều trị tại Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Thái Nguyên. 2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức về bệnh hen phế quản của bà mẹ trẻ mắc hen phế quản điều trị tại Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Thái Nguyên.

## **2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP**

### **2.1. Đối tượng, thời gian, địa điểm nghiên cứu**

Nghiên cứu được tiến hành trên các bà mẹ của trẻ mắc hen phế quản đang điều trị tại Trung tâm Nhi khoa - Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Thái Nguyên trong thời từ tháng 3 – 8/2018

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

#### **2.2.1. Thiết kế nghiên cứu**

Nghiên cứu mô tả, cắt ngang

#### **2.2.2. Cỡ mẫu và tiêu chuẩn chọn mẫu trong nghiên cứu**

- Cỡ mẫu: Chọn mẫu thuận tiện, là bà mẹ của trẻ từ 2 tháng đến 15 tuổi vào điều trị tại Trung tâm được bác sĩ chẩn đoán hen phế quản theo tiêu chuẩn GINA và theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Y tế ban hành 20011.

Chẩn đoán trẻ hen phế quản ngày theo tiêu chuẩn của GINA 2017 và theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Y tế ban hành 20014.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu: Bà mẹ trẻ và trẻ đồng ý tham gia nghiên cứu. Trẻ từ 2 tháng đến 15 tuổi điều trị tại Trung tâm, được Bác sĩ chẩn đoán hen. Bà mẹ trẻ biết đọc, biết viết tiếng Việt. Không mắc bệnh lý về tâm thần kinh. Trẻ không đang trong tình trạng nặng hoặc mắc bệnh lý khác nặng.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Trẻ mồ côi, nuôi trong trung tâm bảo trợ xã hội. Trẻ đang trong tình trạng bệnh cấp cứu. Thân nhân mắc các bệnh lý tâm thần kinh.

#### **2.2.3. Phương pháp thu thập số liệu**

Phòng vấn kết hợp với quan sát bà mẹ của trẻ mắc hen phế quản theo bộ công cụ đã chuẩn bị sẵn. Mỗi đối tượng tham gia nghiên cứu được ghi chép các dữ kiện bằng một phiếu điều tra có mã số riêng cho từng đối tượng. Thu thập các thông tin vào phiếu nghiên cứu.

#### **2.2.4. Công cụ thu thập số liệu**

- Bộ câu hỏi về thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (12 câu hỏi) do tác giả tự xây dựng hỏi các thông tin cơ bản của trẻ và gia đình.

- Bộ câu hỏi về kiến thức bà mẹ của trẻ mắc hen: do tác giả Fitzclarence và Henry xây dựng 1990, được sử dụng nhiều nước trên thế giới, được chuẩn hóa dịch sang Tiếng Việt. Bộ câu hỏi có 31 câu, mỗi câu trả lời đúng sẽ được 1 điểm. Tổng số điểm càng cao chỉ ra rằng kiến thức tốt, chia 3 mức độ kiến thức tốt, trung bình, kém [10].

#### **2.2.5 Phương pháp xử lý số liệu**

Xử lý số liệu theo phần mềm SPSS 17.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

**Bảng 3.1. Đặc điểm chung của trẻ mắc hen phế quản**

Đặc điểm		Số lượng (SL)	Tỷ lệ (%)
Nhập viện trong tình trạng cấp cứu	Có	31	46,2
	Không	36	52,8
Nhóm tuổi	< 2 tuổi	24	35,8
	> 2 – 5 tuổi	29	43,2
	> 5 tuổi	14	21,0
Giới tính	Trai	37	55,2
	Gái	30	44,8
Gia đình có người bị hen	Có	19	28,3
	Không	48	71,7
Thời gian được chẩn đoán hen	< 6 tháng năm	24	35,8
	> 6 tháng – 1 năm	29	43,2
	> 1 năm	14	21,0
Được quản lý bệnh hen theo hướng dẫn chuyên khoa	Có	30	44,8
	Không	37	55,2

Có 46,2% trẻ hen phế quản nhập viện trong tình trạng cơn hen cấp, trong đó có 55,2% là trẻ trai; trong gia đình có người bị hen phế quản giống trẻ chiếm 28,3%. Chỉ có 44,8% số trẻ được quản lý dự phòng hen theo hướng dẫn.

**Bảng 3.2. Đặc điểm nhóm bà mẹ của đối tượng nghiên cứu**

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trình độ học vấn	Cấp III	40	59,7
	THCN/CĐ/ĐH	27	40,3
Nghề nghiệp	Có việc làm có thu nhập	38	56,7
	Nội trợ/ở nhà	29	43,3
Nơi sống hiện tại	KV thành thị	36	59,7
	KV nông thôn	31	40,3
Thu nhập gia đình	Khá trở lên	26	53,7
	Trung bình	41	46,3
Tình trạng hút thuốc lá trong gia đình	Có	37	55,2
	Không	30	44,8

Có 56,7% các bà mẹ có việc làm và 53,7% gia đình có thu nhập mức độ khá trở lên. Trẻ hen phế quản sống trong gia đình có người hút thuốc lá chiếm 55,2%.

**3.2. Kiến thức của bố mẹ trẻ mắc hen phế quản**

**Bảng 3.3. Số câu trả lời đúng của bố mẹ trẻ mắc hen phế quản**

TT	Nội dung câu hỏi	Trả lời đúng (SL,%)
K1	Theo thống kê cứ 10 đứa trẻ thì có > 1 đứa trẻ bị mắc hen khi còn nhỏ	44 (65,7%)
K2	Trẻ mắc hen phế quản thì đường hô hấp thường nhạy cảm hơn	53 (79,1%)
K3	Nếu 1 đứa trẻ bị hen thì những anh/chị em của trẻ cũng mắc hen	46 (68,7%)
K4	Hầu hết trẻ bị hen đều bị tăng tiết đờm khi trẻ uống sữa bò	20 (29,9)
K5	Trong cơn hen, khó thở là do co thắt cơ đường hô hấp	54 (80,6)
K6	Trong cơn hen, khò khè là do sưng nề niêm mạc đường hô hấp	31 (46,3%)
K7	Hen phế quản gây tổn thương hoặc nguy hiểm cho tim	17 (25,4%)
K8	Thuốc kháng sinh là một phần quan trọng để điều trị trẻ bị hen	25 (37,3%)
K9	Hầu hết những trẻ bị hen không nên ăn các sản phẩm làm từ sữa	37 (55,2%)
K10	Tiêm thuốc chống dị ứng để chữa bệnh hen	31 (46,3%)
K11	Nếu một người chết vì cơn hen	10 (14,9%)
K12	Những người mắc bệnh hen thường có yếu tố bất thường về hệ thần kinh	28 (41,8%)
K13	Bệnh hen là bệnh nhiễm trùng (VD: bạn có thể lây từ người khác)	35 (52,5%)
K14	Thuốc hít cho bệnh hen có tác dụng phụ ít hơn so với thuốc uống	12 (25,4%)
K15	Uống thuốc từ Steroids trong thời gian ngắn thường gây ra tác dụng phụ (VD: prednisolone)	19 (28,4%)
K16	Một số thuốc điều trị hen gây tổn thương tim (VD như ventoline)	19 (28,4%)
K17	Trong cơn hen cấp, bạn khí dung cho trẻ 2 tiếng/lần tại nhà	22 (32,8%)
K18	Trẻ mắc hen sẽ bị nghiện thuốc điều trị hen	41 (61,5)
K19	Bơi là môn duy nhất phù hợp cho trẻ mắc hen	65 (97,0%)
K20	Bố mẹ hút thuốc lá có thể làm cho trẻ mắc hen nặng hơn	65 (97,0%)
K21	Nếu điều trị đúng hướng, hầu hết trẻ mắc hen có thể sống bình thường	64 (95,5%)
K22	Cách tốt nhất để xác định mức độ nặng của trẻ bị hen là bác sĩ nghe phổi (đặt ống nghe phổi)	8 (11,9%)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

<b>K23</b>	Bệnh hen thường xảy ra về ban đêm nhiều hơn ban ngày	55 (82,0%)
<b>K24</b>	Hầu hết trẻ bị hen đều bị còi cọc	29 (43,2)
<b>K25</b>	Trẻ bị hen phải dùng thuốc dự phòng hàng ngày	66 (98,5%)
<b>K26</b>	3 triệu chứng nổi bật nhất của bệnh hen là gì?	Đúng ba: 9 (13,4%) Đúng hai: 24 (35,8%) Đúng một: 33 (49,3%) Không đúng: 1 (1,5%)
<b>K27</b>	Viết tất cả những điều bạn biết về nguyên nhân gây bệnh hen (đôi khi còn gọi là yếu tố gây bệnh hen)	Hai nguyên nhân: 13 (19,4%) Một nguyên nhân: 52 (77,6%) Không biết: 2 (3,0%)
<b>K28</b>	Viết ra 2 tên thuốc được dùng hàng ngày để phòng cơn hen cấp xảy ra.	Hai tên: 7 (10,4%) Một tên: 35 (52,2%) Không nhớ/không biết: 25 (37,3%)
<b>K29</b>	Viết tên 3 loại thuốc điều trị cơn hen cấp thường sử dụng trong cơn hen cấp là gì?	Hai tên: 12 (17,9%) Một tên: 30 (44,8%) Không biết tên: 25 (37,3%)
<b>K30</b>	1 trẻ trai 5 tuổi đang lên cơn hen cấp và được xịt/hít 2 liều ventoline. Sau 5 phút trẻ không tốt hơn. Hãy đưa ra một số lý do tại sao?	Đúng một lý do: 15 (22,3%) Đúng hai lý do: 12 (17,9%) Không biết: 40 (59,8%)
<b>K31</b>	Viết ra các cách giúp phòng cơn hen cấp trong lúc tập thể dục.	Viết được ba: 1 (1,5%) Viết được hai: 6 (8,9%) Viết được một: 25 (37,3%) Không biết: 35 (52,3%)

**Nhận xét:**

- Điểm trung bình kiến thức chung của bệnh hen phế quản là 15,5 (8,2 – 24,0). Điểm số cao nhất trong câu hỏi đúng sai là câu 19, 20, 21 và 25 chiếm 97,0%, 97,0%, 95,5% và 98,5%. Điểm số thấp nhất là câu số 22 chiếm 11,9% số bà mẹ trả lời đúng.

- Có 79,1% bà mẹ cho rằng trẻ hen phế quản thì đường hô hấp nhạy cảm hơn, nhưng chỉ có 11,9% bà mẹ biết hen là do co thắt cơ phế quản và tăng tiết dịch đường hô hấp.

- Có 37,3% bà mẹ không biết tên thuốc điều trị và thuốc dự phòng bệnh hen phế quản.

- Có 52,2% bà mẹ cho rằng thuốc hít có tác dụng phụ ít hơn so với thuốc uống.

Trong khi có 71,6% bà mẹ cho rằng uống thuốc steroid trong thời gian ngắn thường gây ra tác dụng phụ. 45 bà mẹ (67,2%) vẫn tiếp tục cho trẻ ở nhà khí dung 2 tiếng/ lần.

- Hầu hết các bà mẹ đều xác định đúng một nguyên nhân gây khởi phát cơn hen cấp (77,6%), nhưng có 52,3% bà mẹ không biết biện pháp để phòng cơn hen cấp trong lúc tập thể dục cho trẻ.

- Có 53,7% bà mẹ cho rằng hen gây tổn thương tim, 62,7% bà mẹ cho rằng tiêm thuốc chống dị ứng để điều trị hen, 62,7% bà mẹ cho rằng thuốc kháng sinh quan trọng trong điều trị hen, có 56,7% bà mẹ cho rằng trẻ hen phế quản thường suy dinh dưỡng kèm theo.

**3.3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức của bố mẹ trẻ mắc hen phế quản**

**Bảng 3.4. Yếu tố liên quan đến kiến thức của bà mẹ có trẻ bị mắc hen phế quản**

Yếu tố liên quan		Trung bình	Tương quan (r), p – giá trị
Tình trạng lúc nhập viện	Cấp cứu	15,7	0,49
	Bình thường	15,38	P = 0,72
Tình trạng nghề nghiệp	Có việc làm, thu nhập ổn định	15,59	2,76
	Ở nhà/nội trợ	14,61	P = 0,13
Quản lý hen	Theo hướng dẫn	14,40	0,56
	Không quản lý hen	16,30	P = 0,02
Sống với người hút thuốc lá trong gia đình	Có	15,65	0,59
	Không	15,37	P = 0,74
Tiền sử nhập viện điều trị về hen	Đã từng nhập viện	15,71	0,14
	Chưa từng nhập viện	15,18	P = 0,25
Trình độ học vấn	Cấp III	14,69	0,09
	THCN/CĐ/ĐH	15,78	P=0,14

Có sự tương quan giữa quản lý hen và kiến thức về bệnh hen của bà mẹ ( $p < 0,05$ ). Chưa tìm thấy tương quan giữa kiến thức của bà mẹ về bệnh hen phế quản với các yếu tố khác.

**4. BÀN LUẬN**

**4.1. Kiến thức của bố mẹ trẻ mắc hen phế quản**

Điểm trung bình kiến thức của bà mẹ là 15,5, chiếm 50% tổng số điểm. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của tác giả Farkhondeh Koshapor và cộng sự năm 2018 khi đánh giá kiến thức của bố mẹ trẻ có con bị hen phế quản ở bệnh viện Ahvar tại Iran, kiến thức chung của bố mẹ trẻ là 61,01% [13], và tương tự như các kết quả nghiên cứu của các tác giả trong nước [7], [8], [9]. Điều này cần được quan tâm hơn, vì Thái Nguyên là thành phố công nghiệp, khói bụi và chất thải công nghiệp là yếu tố gây khởi phát cơn hen. Do đó cần giáo dục cho bà mẹ kiến thức về bệnh hen và các dự phòng cơn hen.

Có 37,3% bà mẹ không biết tên thuốc điều trị và thuốc dự phòng bệnh hen phế quản. 52,2% bà mẹ cho rằng thuốc hít có tác dụng phụ ít hơn so với thuốc uống. Trong khi có 71,6% bà mẹ cho rằng uống

thuốc steroid trong thời gian ngắn thường gây ra tác dụng phụ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự như kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Tuyền và cộng sự (2011) khi khảo sát về kiến thức, thái độ, thực hành trong sử dụng cốt cơn và phòng cơn hen cấp của người chăm sóc trẻ hen phế quản tại Bệnh viện Nhi đồng 1 [11]. Khi bà mẹ không có kiến thức về thuốc dự phòng và xử trí cơn hen cấp tại nhà, điều đó có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của trẻ khi cơn hen cấp xảy ra tại nhà, hoặc trẻ bị tái nhiễm nhiều lần gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của trẻ. Trong khi đó tài liệu hướng dẫn của GINA 2017 đã đề cập đến việc cung cấp kiến thức cho gia đình có thể kiểm soát và phòng ngừa hen cho trẻ tại nhà.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có 55,2% số trẻ mắc hen sống với người hút thuốc lá, điều này phù hợp với báo cáo của GINA và theo tác giả Trần Quy thì bố hoặc mẹ bị hen

thì 25% con có khả năng bị hen và cả bố và mẹ đều bị hen thì có tới 50% số con sinh ra bị hen, phù hợp với báo cáo của các tác giả khác [2], [6]. Do vậy, cần phải có các biện pháp giáo dục sức khỏe hỗ trợ cho người thân của trẻ cai thuốc lá hoặc các biện pháp giúp trẻ tránh môi trường khói thuốc lá.

#### 4.2. Các yếu tố liên quan đến kiến thức của thân nhân trẻ mắc hen phế quản.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có mối liên quan giữa kiến thức của bà mẹ về hen phế quản với trẻ được quản lý hen theo hướng dẫn ( $p < 0,05$ ). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự như kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Tuyền (2011) hoặc của Farkhondeh Koshapor (2018), điều này cũng phù hợp vì đối tượng trong nghiên cứu đều có trình độ học vấn từ cấp III trở lên, những người có trình độ học vấn cao sẽ dễ tiếp thu các thông tin về hen qua báo chí, sách, tài liệu hướng dẫn, internet, . . . cũng như tiếp thu tốt các hướng dẫn về quản lý hen từ nhân viên y tế.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi không có mối tương quan giữa kiến thức về hen phế quản của bà mẹ với các yếu tố như trình độ học vấn, tiền sử mắc hen, tình trạng lúc nhập viện, nghề nghiệp của bà mẹ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự như kết quả nghiên cứu của tác giả khác trong nước hoặc tác giả Phan Thu Phương và cộng sự tại Bệnh viện Bạch Mai [5], [9]. Điều này có thể do mẫu nghiên cứu của chúng tôi nhỏ, trình độ học vấn, nghề nghiệp của bà mẹ tương đồng nhau.

#### 5. KẾT LUẬN

- Điểm trung bình kiến thức của bà mẹ là 15,5, chiếm 50% tổng số điểm.

- Có sự liên quan giữa kiến thức về bệnh hen của bà mẹ và quản lý hen theo hướng dẫn của bác sĩ ( $p < 0,05$ ).

Nghiên cứu này chỉ ra rằng kiến thức về bệnh hen phế quản ở các bà mẹ không đầy đủ, cần có sự phối hợp của nhân viên y tế thường xuyên, liên tục phổ biến kiến thức

về bệnh hen cho các bậc phụ huynh. Giáo dục sức khỏe cho người dân về bệnh hen phế quản cần được nhấn mạnh như là một phần quản lý bệnh hen theo GINA 2017.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Năng An (2006), "Tình hình thực hiện kiểm soát hen theo GINA ở Việt Nam", *Sinh hoạt khoa học chuyên đề 2*, 1-10.

2. www.gina.org (2017) "GINA Burden Report".

4. Quyết định số 4776/QĐ-BYT ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế, "Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị hen phế quản ở trẻ em".

5. Phan Thu Phương, Trịnh Thị Ngọc. (2015), "Kiến thức, thái độ, thực hành về bệnh hen phế quản của bệnh nhân mắc hen phế quản". *Tạp chí Y học dự phòng*. Tập XXV, số 4 (164). 157-63.

6. Dương Quý Sỹ (2016), "Sổ tay hướng dẫn xử trí và dự phòng hen phế quản, dùng cho người lớn và trẻ em trên 5 tuổi". *Sổ tay hướng dẫn cho cán bộ Y tế, cập nhật 2016*.

7. Nguyễn Thị Thúy (2009), "Đánh giá kiến thức, thực hành của bố mẹ bệnh nhi bị bệnh hen trong điều trị và dự phòng hen phế quản ở trẻ em". Luận văn thạc sĩ. Đại học Y Hà Nội.

8. Lê Huyền Trang (2016), "Kiến thức và thực hành về dự phòng hen phế quản của người chăm sóc trẻ mắc hen tại Bệnh viện Nhi Trung Ương". Luận văn thạc sĩ quản lý bệnh viện. Trường Đại học Y Hà Nội.

9. Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, Danh Mỹ Thanh Ngân, Đỗ Thị Phương Nga. (2011), "Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành trong sử dụng thuốc xịt cắt cơn và ngừa cơn của người chăm sóc chính bệnh nhi tại phòng khám suyễn". Đề tài cấp cơ sở.

10. Henry R. L, Cooper D.M, Halliday A (1995), "Parental asthma knowledge: its association with readmission of children to hospital". *J. Pediatrics and Child Health*. 31(2): 95-98

11. Maaiké M. A. F., Monique T. M. V., Yasmine I. A., Hendrik M. K., and Florens G. A. V. (2018). "The presentation of a short adapted questionnaire to measure asthma knowledge of parents". *Franken et al. BMC Pediatrics*. 18(14): 0991-4.

12. Wang, Kwau – Yun (2010), "The effects of Asthma Education on Asthma Knowledge and Health – Related Quality of

Life in Taiwanese Asthma Patients", *Journal of Nursing Research*, 18(2). 126-135.

13. Farkhondeh K, Shahnaz R, Houshang A.R, and Bahman C. (2018), "Assessing Knowledge, Attitude, and Practices of Parents Towards Physical Activity of Children with Asthma Referring to Ahvaz Teaching Hospitals". *Jundishapur J Chronic Dis Care*.7(1): e65450

## THỰC TRẠNG CHĂM SÓC BỆNH NHI THỞ MÁY CPAP CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI TRUNG TÂM NHI KHOA - BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

Nguyễn Bích Hoàng<sup>1</sup>, Bùi Thị Hải<sup>1</sup>, Nghiêm Thị Quý<sup>1</sup>, Đoàn Thị Huệ<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên, <sup>2</sup>Trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Khảo sát thực hành chăm sóc bệnh nhi thở máy của người Điều dưỡng tại Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên. **Phương pháp:** nghiên cứu mô tả, cắt ngang. **Kết quả:** Tỷ lệ thực hành lắp máy thở đạt mức độ trung bình là 62,5%, đạt mức độ khá là 37,5%. Thực hành chăm sóc bệnh nhi thở máy

CPAP đạt mức độ trung bình chiếm cao nhất 87,5%, đạt mức độ khá chiếm 12,5%. **Kết luận:** Cần tổ chức các buổi tập huấn định kỳ để nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc bệnh nhi thở máy CPAP cho điều dưỡng tại Trung tâm Nhi khoa.

**Từ khóa:** Chăm sóc, bệnh nhi, điều dưỡng

## NURSING CARE PATIENTS WITH CONTINUOUS POSITIVE AIRWAY PRESSURE VENTILATION (CPAP) OF NURSES AT THE PEDIATRICS CENTER, THAI NGUYEN NATIONAL HOSPITAL

### ABSTRACT

**Objectives:** To evaluate the results of the intervention to improve the nursing care of CPAP patients at the Pediatric Center.

**Method:** Descriptive study. **Results:** Nursing practice using CPAP machines at the average is 62.5%, good is 37.5%. The nursing care practice of patients with CPAP was averaged at 87.5%, good is 12.5%. **Conclusion:** Training skill for nursing about take care patient with CPAP at the Pediatric Department.

**Keywords:** nursing care, child patients, nurses

Người chịu trách nhiệm: Đoàn Thị Huệ  
Email: hueddtn@gmail.com  
Ngày phản biện: 05/8/2018  
Ngày duyệt bài: 12/10/2018  
Ngày xuất bản: 22/10/2018